TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 2 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 2, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**2**			
CB70107	Hiểu biết về DNTU*	1	15	15	0
TN70020	Nhập môn AI*	1	15	15	0
TA70301	Key English 1*	3	45	45	0
TA70302	Key English 2*	3	45	45	0
TA70303	Key English 3*	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community*	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
LG70016	Giới thiệu ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1	15	15	0
HỌC KỲ 2: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**22**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0

TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
QT70002	Kinh tế học	3	45	45	0
QT70003	Nguyên lý Quản trị	3	45	45	0
QT70004	Nguyên lý Marketing	3	45	45	0
CB71401	Bơi lội *	1	30	0	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 *	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 *	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 *	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 *	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 8 học phần)					
CB71412	Bóng đá *	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền *	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông *	1	30	0	30
CB71410	Pickleball *	1	30	0	30
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71406	Dancesport *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	30	0

CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	2	30	30	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
LG70003	Quản trị logistics	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và Phát triển bền vững	2	30	0	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	0	0
HỌC KỲ 4: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
QT70005	Pháp luật về kinh doanh	3	45	45	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
QT70009	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	0	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	30	0	0

CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0	0
HỌC KỲ 5: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
LG70002	E-logistics	2	30	30	0
LG70004	Quản trị chiến lược Logistics	3	45	45	0
LG70005	Quản trị trung tâm phân phối	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)		**6**			
QT71001	Trách nhiệm xã hội	3	45	45	0
LG71001	Địa lý vận tải	3	45	45	0
LG71002	Tổ chức khai thác ga, cảng	3	45	45	0
LG71003	Phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng	3	45	45	0
HỌC KỲ 6: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 23, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**23**			
LG70006	Quản trị dự án Logistics và chuỗi cung ứng	3	60	30	30
LG70007	Kinh tế vận tải & Logictics	3	60	30	30
LG70008	Thực tập chuyên ngành	3	90	0	0
QT70013	Quản trị vận hành	3	45	45	0
LG70009	Vận tải đa phương thức	3	45	45	0

LG70010	Kho bãi & Xử lý vật liệu (quản lý kho hàng)	3	45	45	0
LG70011	Logistics quốc tế	3	45	45	0
CB70308	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0
HỌC KỲ 7: 10 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		**4**			
LG70012	Thực tập tốt nghiệp	4	120	120	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)		**6**			
LG71004	Quản trị mua hàng	3	60	30	30
QT71011	Nghiệp vụ hải quan	3	60	30	30
QT71012	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	30	30
LG71005	Bảo hiểm vận tải	3	60	30	30
LG71006	Logistics hàng không	3	45	45	0
HỌC KỲ 8: 8 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 8)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***8***			
LG70013	Khóa luận tốt nghiệp	8	120	120	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***8***			
LG70014	Quản trị đổi mới trong kinh doanh logistic và chuỗi cung ứng	4	90	30	60
LG70015	Thiết kế mô hình kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng	4	90	30	60